

Số: 37 /TB-ĐHTL

Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2023

THÔNG BÁO
Về tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ khóa 31 đợt 1 năm 2023

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ; Trường Đại học Thủy lợi thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2023 như sau:

1. Ngành đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến và đào tạo theo định hướng ứng dụng:

STT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến
1	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	8580202	30
2	Địa kỹ thuật xây dựng	8580211	10
3	Kỹ thuật xây dựng	8580201	20
4	Kỹ thuật xây dựng công trình biển	8580203	10
5	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	8580205	20
6	Kỹ thuật tài nguyên nước	8580212	30
7	Kỹ thuật cấp thoát nước	8580213	40
8	Thủy văn học	8440224	20
9	Khoa học môi trường	8440301	20
10	Quản lý xây dựng	8580302	200
11	Quản lý kinh tế	8340410	150
12	Quản trị kinh doanh	8340101	20
13	Kinh tế xây dựng	8580301	20
14	Kỹ thuật cơ khí	8520103	10
15	Kỹ thuật điện	8520201	10
16	Công nghệ thông tin	8480201	20

2. Hình thức và thời gian đào tạo

- Hình thức đào tạo chính quy áp dụng cho chương trình định hướng nghiên cứu và chương trình định hướng ứng dụng. Hình thức đào tạo vừa làm vừa học đối với chương trình định hướng ứng dụng.

- Thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ theo hình thức đào tạo chính quy là 1,5 năm (18 tháng); theo hình thức đào tạo vừa làm vừa học là 2,0 năm (24 tháng).

3. Phương thức, điều kiện và tiêu chí xét tuyển

3.1. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

3.2. Điều kiện xét tuyển

3.2.1. Về văn bằng

- Ứng cử viên có bằng tốt nghiệp đại học hoặc công nhận tốt nghiệp đại học ngành đúng hoặc ngành phù hợp (Danh sách ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần, ngành khác Phụ lục 1) với ngành dự tuyển;

- Ứng cử viên tốt nghiệp đại học hoặc công nhận tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp; Tốt nghiệp đại học hoặc công nhận tốt nghiệp ngành gần hoặc ngành khác (đối với thí sinh đăng ký dự tuyển ngành quản lý kinh tế, ngành quản lý xây dựng, ngành quản trị kinh doanh) với ngành đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ: Ứng cử viên phải đạt các môn học bổ sung kiến thức.

3.2.2. Đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ của mục 4.

3.2.3. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang công tác hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

3.2.4. Có đủ sức khỏe để học tập.

3.2.5. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời gian quy định tại mục 6.1 và mục 7.

3.3. Tiêu chí xét tuyển:

3.2.1 Xét tuyển: Căn cứ trên hồ sơ của ứng viên, kết quả học tập bậc đại học, công trình nghiên cứu khoa học, kinh nghiệm làm việc. Thang điểm xét tuyển quy định tại Phụ lục 3.

3.2.2. Học bổ sung kiến thức

- Đối tượng học bổ sung kiến thức: Tốt nghiệp đại học hoặc công nhận tốt nghiệp ngành gần hoặc ngành khác (đối với thí sinh đăng ký dự tuyển ngành quản lý kinh tế, ngành quản lý xây dựng, ngành quản trị kinh doanh) với ngành đăng ký dự tuyển.

- Việc học bổ sung kiến thức phải hoàn thành trước khi xét tuyển và người học bổ sung kiến thức phải đóng học phí các học phần bổ sung theo mức học phí quy định đối với hệ đại học chính quy của nhà trường.

- Cách thức đăng ký học: Thí sinh nộp bản sao bằng và bảng điểm tốt nghiệp đại học trực tiếp tại Phòng Đào tạo hoặc gửi bản scan (dạng file) đến email tup3@tlu.edu.vn (ghi rõ ngành đăng ký dự tuyển, số điện thoại liên hệ).

- Lịch học và địa điểm học sẽ thông báo cụ thể trên website: <http://ts.tlu.edu.vn/tin-tuyen-sinh-thac-si>.

4. Yêu cầu về ngoại ngữ

Người dự tuyển thỏa mãn một trong những yêu cầu sau:

- Tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Tốt nghiệp trình độ đại học hoặc công nhận tốt nghiệp tại Trường Đại học Thủy lợi trong thời gian không quá 24 tháng mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Phụ lục 3) hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

Nhà trường tổ chức thi môn ngoại ngữ (môn điều kiện) đối với các thí sinh không đáp ứng được yêu cầu về năng lực ngoại ngữ. Cụ thể như sau:

- Nội dung thi và dạng thức đề thi: Đề thi được thiết kế kiểm tra 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết.
- Thời gian thi
 - + Kỹ năng đọc và viết: 90 phút.
 - + Kỹ năng nghe: 35 phút (kể cả thời gian thí sinh đọc đề)
 - + Kỹ năng nói: 10 phút/thí sinh.
- Cách tính điểm:
 - + Tổng điểm bài thi: 100 điểm (Đọc: 30 điểm, Viết: 30 điểm, Nghe: 20 điểm, Nói: 20 điểm)
 - + Thí sinh Đạt là thí sinh có tổng điểm 4 kỹ năng ≥ 50 điểm và có điểm của từng kỹ năng $\geq 30\%$ yêu cầu của kỹ năng đó (Điểm liệt kỹ năng Đọc: dưới 9,0 điểm, Điểm liệt kỹ năng Viết: dưới 9,0 điểm, Điểm liệt kỹ năng Nghe: dưới 6,0 điểm, Điểm liệt kỹ năng Nói: dưới 6,0 điểm).

5. Đối tượng ưu tiên

- Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên hoặc người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định là Khu vực 1 trong

Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc xác nhận của chính quyền địa phương về hộ khẩu thường trú;

- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;
- Con liệt sĩ;
- Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;
- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban

nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

6. Hồ sơ tuyển sinh, điều kiện trúng tuyển và mức học phí

6.1. Hồ sơ tuyển sinh bao gồm: Đơn đăng ký dự tuyển; Sơ yếu lý lịch; Bản sao có công chứng Bằng và Bảng điểm đại học; Giấy chứng nhận sức khỏe; 02 ảnh 4x6 cm; Bản sao giấy khai sinh; Giấy xác nhận được hưởng chế độ ưu tiên (nếu có); Xác nhận trình độ ngoại ngữ; Bản sao có công chứng các báo cáo nghiên cứu khoa học (nếu có).

Mẫu hồ sơ tuyển sinh tại Phụ lục 4 của thông báo này.

Ghi chú: Nếu người dự tuyển có văn bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải có công nhận về văn bằng tốt nghiệp của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6.2. Hình thức đăng ký: Ứng viên đăng ký trực tiếp hoặc trực tuyến với điền đầy đủ hồ sơ trên trang <http://ts.tlu.edu.vn/tin-tuyen-sinh-thac-si>.

6.3. Điều kiện trúng tuyển

Căn cứ vào số lượng hồ sơ đăng ký dự tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh, tiêu chí xét tuyển, Hội đồng tuyển sinh xác định phương án trúng tuyển.

Đối với công dân nước ngoài, nhà trường căn cứ vào ngành đào tạo, kết quả học tập ở trình độ đại học và trình độ tiếng Việt để xét tuyển. Trường hợp có điều ước quốc tế hoặc thoả thuận hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam với chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế về việc tiếp nhận công dân nước ngoài đến học tập trình độ thạc sĩ thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế hoặc thoả thuận hợp tác đó.

6.4. Mức học phí: Xem tại website <https://www.tlu.edu.vn/hoc-phi>

6.5. Phí dịch vụ tuyển sinh: 500.000 VND (Năm trăm nghìn đồng)/ứng viên/đợt thi
Ứng viên nộp bằng hình thức chuyển khoản sau khi đăng ký trực tuyến thành công:

- Tên tài khoản: Trường Đại học Thủy lợi
- Số tài khoản: 119000003531
- Tên ngân hàng: Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đống Đa – Hà Nội

- Số tiền: 500.000 VND (Năm trăm nghìn đồng)
- Nội dung nộp tiền: + Tuyển sinh đợt 1: LPXTCHD1, Họ tên ứng viên, Mã số hồ sơ (Mã hồ sơ ứng viên được cung cấp khi đăng ký tuyển sinh trực tuyến thành công).

7. Kế hoạch tuyển sinh

TT	Nội dung	Thời gian
1	Phát hành hồ sơ	Liên tục trong giờ hành chính tại Phòng Đào tạo hoặc tải về ở địa chỉ http://ts.tlu.edu.vn/tin-tuyen-sinh-thac-si .
2	Nhận hồ sơ: Thí sinh phải đăng ký online trước khi nộp hồ sơ trực tiếp.	
	- Đăng ký hồ sơ online	01/02/2023 đến 15/6/2023
	- Nộp hồ sơ trực tiếp	19/6/2023 đến 23/6/2023
3	Đăng ký và học bổ sung kiến thức	Trước ngày 16/7/2023
4	Tổ chức ôn và thi điều kiện tiếng Anh (cho các thí sinh có nhu cầu đăng ký với Phòng Đào tạo)	20/6/2023 đến 23/7/2023 (Thứ 7, Chủ nhật và buổi tối các ngày trong tuần)
5	Tổ chức xét tuyển và công bố kết quả	24/7/2023 đến 31/7/2023

Ghi chú: Các mốc thời gian trên có thể thay đổi tùy theo tình hình thực tế.

8. Địa chỉ liên hệ:

- Tại Hà Nội: Phòng Đào tạo (Phòng 134 nhà A4), Trường Đại học Thủy lợi, số 175 Tây Sơn – Quận Đống Đa – Thành phố Hà Nội. Số điện thoại: (024)38 524 529 hoặc (024)3 563 1537.

Tại Thành phố Hồ Chí Minh: Ban Đào tạo và Công tác sinh viên, Phân hiệu Trường Đại học Thủy lợi, số 2 Trường Sa, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Số điện thoại (028)35 140 608.

- Tại Ninh Thuận: Viện Đào tạo và Khoa học Ứng dụng Miền Trung, số 74 Yên Ninh – Thành phố Phan Rang – Tỉnh Ninh Thuận. Số điện thoại: (068) 222 1522.

- Website: <http://ts.tlu.edu.vn/tin-tuyen-sinh-thac-si>.

Nơi nhận:

- ĐU, BGH;
- Các đơn vị trong trường;
- Các Cơ sở đào tạo liên quan;
- Website, người dự tuyển;
- Lưu: VT, PĐT (VT.50b).

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
(đã ký)

GS.TS Nguyễn Trung Việt

Phu lục 1:**QUY ĐỊNH NGÀNH ĐÚNG, PHÙ HỢP, GẦN VỚI NGÀNH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN***(Kèm theo Thông báo số:37/TB-ĐHTL ngày 17 tháng 01 năm 2023**của Trường Đại học Thủy lợi)***1. Ngành Kỹ thuật xây dựng công trình thủy:**

- **Ngành đúng, phù hợp bao gồm:** Kỹ thuật công trình xây dựng của Trường Đại học Thủy lợi, ngành Xây dựng công trình thủy của các trường đại học khác, các ngành có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% của khối kiến thức ngành.

- **Ngành gần bao gồm:** Kỹ thuật tài nguyên nước, Kỹ thuật bờ biển, Công nghệ kỹ thuật xây dựng, Công trình thủy điện của Trường Đại học Thủy lợi và các ngành học của các trường khác có bảng điểm tương đương, Kinh tế thủy lợi, Cấp thoát nước, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng và phát triển nông thôn, Thủy văn hoặc các ngành của trường khác có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác nhau từ 10% đến 40% của khối kiến thức ngành. Những thí sinh là đối tượng thuộc ngành gần phải học bổ sung kiến thức các môn học sau (nếu chưa học ở trình độ đại học):

STT	Môn học	Số tín chỉ
1	Thủy lực công trình	2
2	Thủy văn công trình	2
3	Cơ học đất	2
4	Giới thiệu và cơ sở thiết kế công trình thủy	2
5	Đập và hồ chứa	3
6	Công trình trên hệ thống thủy lợi	2

2. Ngành Quản lý xây dựng:

- **Ngành đúng bao gồm:** Công nghệ kỹ thuật xây dựng, Quản lý xây dựng của Trường Đại học Thủy lợi hoặc các ngành có bảng điểm phù hợp với các ngành nêu trên và các ngành ở các trường khác có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% của khối kiến thức ngành.

- **Ngành phù hợp bao gồm:** Kỹ thuật công trình xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kỹ thuật thủy điện và năng lượng tái tạo, Kỹ thuật hạ tầng và phát triển nông thôn, Kỹ thuật công trình biển, Kỹ thuật tài nguyên nước của Trường Đại học Thủy lợi, Kinh tế xây dựng và các ngành kỹ thuật xây dựng công trình có bảng điểm phù hợp với các ngành nêu trên và các ngành của trường khác có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% của khối kiến thức ngành.

- **Ngành gần bao gồm:** Máy xây dựng và thiết bị thủy lợi, Cấp thoát nước của Trường Đại học Thủy lợi hoặc những ngành học có bảng điểm phù hợp với các ngành nêu trên ở các trường khác có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác nhau từ 10% đến 40% của khối kiến thức ngành. Những thí sinh thuộc ngành gần phải học bổ sung kiến thức và đạt các môn sau (nếu chưa học ở trình độ đại học):

STT	Môn học	Số tín chỉ
1	Công nghệ xây dựng công trình bê tông	2
2	Công nghệ xây dựng công trình đất đá	2
3	Tổ chức và Quản lý xây dựng	2
4	Kinh tế xây dựng	2
5	Luật xây dựng	2

3. Ngành Địa kỹ thuật xây dựng:

- **Ngành đúng bao gồm:** Kỹ thuật công trình xây dựng của Trường Đại học Thủy lợi, Địa chất công trình và Địa kỹ thuật, Kỹ thuật bờ biển và các ngành Xây dựng công trình thủy, Xây dựng dân dụng và công nghiệp, Công trình giao thông của các trường đại học khối kỹ thuật có bảng điểm phù hợp với ba ngành đã nêu trên và các ngành có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% của khối kiến thức ngành.

- **Ngành phù hợp bao gồm:** Kỹ thuật thủy điện và năng lượng tái tạo, Kỹ thuật tài nguyên nước, Kỹ thuật hạ tầng và phát triển nông thôn, Cấp thoát nước, Công nghệ kỹ thuật xây dựng và các ngành của các trường đại học khối kỹ thuật có bảng điểm phù hợp với các ngành đã nêu trên và các ngành có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% của khối kiến thức ngành.

- **Ngành gần bao gồm:** Kỹ thuật công trình xây dựng, Kinh tế xây dựng của các trường đại học kỹ thuật có bảng điểm không phù hợp với các ngành trên và các ngành có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác nhau từ 10% đến 40% của khối kiến thức ngành. Những thí sinh là đối tượng thuộc ngành gần phải học bổ sung kiến thức các môn học sau (nếu chưa học ở trình độ đại học):

STT	Môn học	Số tín chỉ
1	Cơ học kỹ thuật	2
2	Cơ học chất lỏng	2
3	Cơ học đất	2
4	Nền móng	2
5	Sức bền Vật liệu 1	2
6	Sức bền Vật liệu 2	2

4. Ngành Kỹ thuật xây dựng

- **Ngành đúng bao gồm:** ngành Kỹ thuật công trình xây dựng của Trường Đại học Thủy lợi (chuyên ngành kỹ thuật xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp), chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp của các Trường Đại học Xây dựng, Trường Đại học Kiến trúc, Trường Đại học Giao thông vận tải, Trường Đại học Mỏ địa chất, Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng, Trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh và các ngành học ở các trường khối kỹ thuật có bảng điểm tương đương.

- **Ngành gần bao gồm:** các ngành/chuyên ngành khác của Khoa Công trình, ngành Công nghệ và quản lý xây dựng, chuyên ngành Công trình thủy, chuyên ngành Công trình cảng đường thủy, chuyên ngành Địa kỹ thuật, ngành Kỹ thuật công trình biển, ngành Thủy điện, ngành Công trình giao thông, ngành Kỹ thuật hạ tầng và phát triển nông thôn, ngành cấp thoát nước, ngành Địa kỹ thuật và công trình ngầm đô thị, chuyên ngành Vật liệu xây dựng và các ngành/chuyên ngành học của các trường khác có bảng điểm tương đương.

Các thí sinh thuộc ngành gần phải học bổ sung kiến thức và đạt các môn học sau (nếu chưa học trong chương trình đại học):

STT	Môn học	Số tín chỉ
1	Kết cấu nhà bê tông cốt thép	3
2	Kết cấu nhà thép	3
3	Động lực học công trình	2
4	Sức bền Vật liệu 1	2
5	Sức bền Vật liệu 2	2
6	Cơ học Kết cấu 1	2
7	Cơ học Kết cấu 2	2

5. Ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông

- **Ngành đúng:** Bao gồm ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông của Trường Đại học Thủy lợi (chuyên ngành kỹ thuật xây dựng công trình giao thông), chuyên ngành xây dựng công trình giao thông, cầu đường của các Trường Đại học Xây dựng, Trường Đại học Giao thông vận tải, Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng, Trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh, ngành Kỹ thuật công trình giao thông và các ngành học ở các trường khối kỹ thuật có bảng điểm tương đương.

- **Ngành gần:** Công nghệ và quản lý xây dựng, Công trình thủy, Công trình cảng đường thủy, Địa kỹ thuật, Kỹ thuật công trình biển, Thủy điện, Công trình giao thông, Kỹ thuật hạ tầng và phát triển nông thôn, Cấp thoát nước, Địa kỹ thuật và công trình ngầm đô thị, Vật liệu xây dựng và các ngành của trường khác có bảng điểm tương đương. Các thí

sinh thuộc ngành gần phải học bổ sung kiến thức và đạt các môn học sau (nếu chưa học trong chương trình đại học):

STT	Môn học	Số tín chỉ
1	Thiết kế hình học đường ô tô	2
2	Thiết kế nền đường	2
3	Thiết kế hình học và cảnh quan môi trường	2
4	Đồ án thiết kế hình học và cảnh quan môi trường	1
5	Động lực học công trình	2
6	Thiết kế cầu bê tông cốt thép 1	2
7	Thiết kế cầu thép 1	2
8	Xây dựng cầu	2
9	Đồ án cầu bê tông cốt thép 1	1
10	Đồ án cầu thép 1	1

6. Ngành Kỹ thuật xây dựng công trình biển:

- **Ngành đúng bao gồm:** Kỹ thuật xây dựng công trình biển, Công trình thủy và các ngành trong nhóm kỹ thuật biển, Công trình bảo vệ bờ thuộc các trường kỹ thuật có bảng điểm phù hợp và các ngành khác có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% của khối kiến thức ngành.

- **Ngành phù hợp bao gồm:** Các ngành công trình bảo vệ bờ, cảng biển, chỉnh trị bờ sông, bờ biển thuộc các trường kỹ thuật, khoa học tự nhiên có bảng điểm phù hợp và các ngành khác có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% của khối kiến thức ngành.

- **Ngành gần bao gồm:** Các ngành thuộc khối kỹ thuật, công nghệ có bảng điểm phù hợp và các ngành khác có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác nhau từ 10% đến 40% của khối kiến thức ngành. Các thí sinh thuộc ngành gần phải học bổ sung kiến thức và đạt các môn học sau (nếu chưa học trong chương trình đại học):

STT	Môn học	Số tín chỉ
1	Cơ sở kỹ thuật bờ biển	3
2	Sóng gió	3
3	Mực nước và dòng chảy	3
4	Hình thái bờ biển	3
5	Địa kỹ thuật	3

7. Ngành Kỹ thuật tài nguyên nước:

- **Ngành đúng bao gồm:** Kỹ thuật tài nguyên nước và các ngành khác có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% của khối kiến thức ngành.

- **Ngành phù hợp bao gồm:** Thủy văn tài nguyên nước, Kỹ thuật công trình thủy, Cấp thoát nước, Kỹ thuật hạ tầng và phát triển nông thôn hoặc tương đương và các ngành khác có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% của khối kiến thức ngành.

- **Ngành gần bao gồm:** Kỹ thuật thủy điện và năng lượng tái tạo, Kỹ thuật công trình xây dựng, Kỹ thuật công trình biển, Kỹ thuật môi trường và các ngành kỹ thuật thuộc khối ngành xây dựng có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác nhau từ 10% đến 40% của khối kiến thức ngành. Các thí sinh thuộc ngành gần phải học bổ sung kiến thức và đạt các môn học sau (nếu chưa học trong chương trình đại học):

STT	Môn học	Số tín chỉ
1	Cơ học chất lỏng	3
2	Thủy văn công trình	3
3	Khoa học đất	2
4	Quy hoạch và thiết kế hệ thống thủy lợi	3
5	Quản lý hệ thống công trình thủy lợi	3

8. Ngành Kỹ thuật cấp thoát nước:

- **Ngành đúng bao gồm:** Cấp thoát nước, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng và phát triển nông thôn, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng và các ngành khác có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% của khối kiến thức ngành.

- **Ngành phù hợp bao gồm:** Kỹ thuật môi trường, Kỹ thuật tài nguyên nước, Kỹ thuật công trình thủy, Thủy văn và tài nguyên nước và các ngành tương đương có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% của khối kiến thức ngành.

- **Ngành gần bao gồm:** Kỹ thuật thủy điện và năng lượng tái tạo, Kỹ thuật công trình xây dựng, Kỹ thuật công trình biển và các ngành kỹ thuật thuộc khối ngành xây dựng có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác nhau từ 10% đến 40% của khối kiến thức ngành. Các thí sinh thuộc ngành gần phải học bổ sung kiến thức và đạt các môn học sau (nếu chưa học trong chương trình đại học):

STT	Môn học	Số tín chỉ
1	Cơ học chất lỏng	3
2	Thủy văn công trình	3
3	Cấp thoát nước	3
4	Xử lý nước cấp hoặc Xử lý nước thải	3

9. Ngành Khoa học môi trường:

- **Ngành đúng, ngành phù hợp:** Khoa học môi trường, Kỹ thuật môi trường và các ngành tương đương khác có chương trình đào tạo khác nhau dưới 10% của khối kiến thức ngành ở trình độ đại học.

- **Ngành gần:** Thủy văn và tài nguyên nước, Thủy văn học, Địa chất, Khoa học đất và các ngành khác cùng nhóm ngành hoặc các ngành có liên quan mà chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác nhau từ 10% đến 40% của khối kiến thức ngành. Các thí sinh thuộc ngành gần phải học bổ sung kiến thức và đạt các môn học sau (nếu chưa học trong chương trình đại học):

STT	Môn học	Số tín chỉ
1	Môi trường và đánh giá tác động môi trường	3
2	Quy hoạch môi trường	3
3	Quản lý chất lượng nước	3
4	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	3
5	Phân tích môi trường	3

10. Ngành Kỹ thuật cơ khí:

- **Ngành đúng và ngành phù hợp bao gồm:** Máy xây dựng, Cơ khí thủy công, Cơ khí, Động lực, Cơ giới hoá xây dựng hoặc tương đương các trường khác có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% của khối kiến thức ngành.

- **Ngành gần bao gồm:** Các ngành thi công, xây dựng công trình và các ngành khác có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác nhau từ 10% đến 40% của khối kiến thức ngành. Các thí sinh thuộc ngành gần phải học bổ sung kiến thức và đạt các môn học sau (nếu chưa học trong chương trình đại học):

STT	Môn học	Số tín chỉ
1	Cơ sở thiết kế máy	3
2	Nguyên lý máy	3
3	Dao động kỹ thuật	3

11. Ngành Thủy văn học:

- **Ngành đúng bao gồm:** Thủy văn, Thủy văn môi trường, Quản lý và giảm nhẹ thiên tai, Chính trị sông và bờ biển và các ngành khác có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% của khối kiến thức ngành.

- **Ngành phù hợp bao gồm:** Kỹ thuật công trình, Kỹ thuật tài nguyên nước, Thủy điện và năng lượng tái tạo, Kỹ thuật môi trường, Kỹ thuật biển, Quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng, Cấp thoát nước, các ngành khác có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% của khối kiến thức ngành.

- **Ngành gần bao gồm:** Khí tượng, Khí tượng thủy văn, Khoa học môi trường, Kỹ thuật môi trường, Quy hoạch và quản lý tài nguyên nước, Tưới tiêu cho cây trồng, Địa lý, Khoa học đất, các ngành có bằng điểm phù hợp với chương trình đào tạo ngành thủy văn và có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác nhau từ 10% đến 40% của khối kiến thức ngành. Các thí sinh thuộc ngành gần phải học bổ sung kiến thức và đạt các môn học sau (nếu chưa học trong chương trình đại học):

STT	Môn học	Số tín chỉ
1	Thủy văn nước mặt	3
2	Thủy lực sông ngòi	3
3	Thống kê trong thủy văn	3
4	Thủy văn công trình	3

12. Ngành Kỹ thuật điện

- **Ngành đúng bao gồm:** Kỹ thuật điện, Điện tử

- **Ngành phù hợp bao gồm:** Ngành điện chương trình 5 năm với ít nhất 155 tín chỉ, hoặc ngành điện chương trình 4,5 năm với ít nhất 141 tín chỉ.

- **Ngành gần bao gồm:** Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành Thủy điện (hệ 5 năm), Thủy điện và năng lượng tái tạo (hệ 4,5 năm) của Trường Đại học Thủy lợi phải học bổ sung 9 tín chỉ; Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành điện chương trình 4 năm với ít nhất 128 tín chỉ phải học bổ sung sao cho tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo đại học và của các môn học bổ sung ít nhất đạt 141 tín chỉ; Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành cơ điện tử, điện tử viễn thông chương trình 4,5 năm với ít nhất 141 tín chỉ phải học bổ sung 9 tín chỉ; Những trường hợp đặc biệt khác, số lượng tín chỉ học bổ sung kiến thức do Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa và thầy hướng dẫn quyết định.

Các môn học bổ sung kiến thức được chọn từ danh mục sau:

STT	Môn học	Số tín chỉ
1	Mạch điện	3
2	Điện tử công suất	3
3	Hệ thống điều khiển	3
4	Lưới điện	3
5	Truyền động điện	3
6	Phân tích sự cố trong hệ thống điện	3
7	Điều khiển và ổn định trong hệ thống điện	3
8	Quy hoạch hệ thống điện	2
9	Điều khiển quá trình	3
10	Chất lượng điện năng	3

13. Ngành Công nghệ thông tin

- **Ngành đúng, phù hợp bao gồm:** Công nghệ thông tin, Khoa học máy tính, Hệ thống thông tin, Công nghệ phần mềm, Mạng máy tính và truyền thông, Mạng máy tính, Kỹ thuật máy tính, Tin học, Toán – Tin, Máy tính, Tin học quản lý, Thương mại điện tử, Kỹ nghệ phần mềm, Hệ thống thông tin kinh tế, Truyền thông đa phương tiện, Hệ thống thông tin quản lý, An toàn thông tin, An toàn và bảo mật thông tin, Sư phạm tin học, Sư phạm công nghệ thông tin, Tin học ứng dụng, Tin học công nghiệp.

- **Ngành gần bao gồm:** Toán, Toán cơ, Lý - Tin, Sinh - Tin, Kỹ thuật Điện tử - Truyền thông, Kỹ thuật điện - Điện tử, Kỹ thuật điện, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Điều khiển, Tự động hóa thiết kế cầu đường, Tự động hóa thiết kế cơ khí, Cơ điện tử, Điện tử viễn thông, Tin học môi trường, Trắc địa bản đồ, GIS viễn thám. Danh mục môn học bổ sung kiến thức cho các đối tượng này như sau:

TT	Tên môn học	Số tín chỉ
1	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3
2	Cơ sở dữ liệu	3
3	Ngôn ngữ lập trình nâng cao	3
4	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	3
5	Mạng máy tính	3
6	Hệ điều hành	3
7	Kiến trúc máy tính	3

Những trường hợp đặc biệt, số lượng tín chỉ học bổ sung kiến thức do Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa quyết định.

14. Ngành Kinh tế xây dựng:

- **Ngành đúng, phù hợp bao gồm:** Quản lý xây dựng, Kinh tế thủy lợi, Kinh tế xây dựng, Kinh tế và quản lý đô thị, Kinh tế và quản lý bất động sản, Kinh tế công nghiệp, Kinh tế vận tải và các ngành có bằng điểm phù hợp với các ngành nêu trên và có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% của khối kiến thức ngành.

- **Ngành gần bao gồm:** Các ngành thuộc khối Kỹ thuật, Công nghệ thông tin, Khối kinh tế, kinh doanh và quản lý, tài chính. Các ngành khác và là đối tượng tuyển sinh được chương trình ưu tiên hướng tới là các nhà lãnh đạo và quản lý các cấp hiện đang nắm giữ các cương vị khác nhau trong cơ quan quản lý nhà nước, ban, ngành và các doanh nghiệp. Các thí sinh thuộc ngành gần phải học bổ sung kiến thức và đạt các môn học sau (nếu chưa học trong chương trình đại học):

STT	Môn học	Số tín chỉ
1	Kinh tế học	3
2	Kinh tế xây dựng	2
3	Kinh tế đầu tư xây dựng	2
4	Quản lý dự án	2

STT	Môn học	Số tín chỉ
5	Marketing trong xây dựng	2
6	Pháp luật trong xây dựng	2
7	Định mức- Đơn giá- Dự toán	2
8	Quản trị doanh nghiệp	3
9	Hợp đồng và đấu thầu trong xây dựng	2

Thí sinh sẽ được miễn các môn học trên nếu trong bảng điểm đại học của thí sinh đã có điểm đạt các môn này.

15. Ngành Quản lý kinh tế

- **Ngành đúng, phù hợp bao gồm:** Kinh tế hoặc Kinh tế có định hướng chuyên ngành/ chuyên sâu về Quản lý kinh tế, Quản trị kinh doanh.

- **Ngành gần bao gồm:** Kinh tế xây dựng, Kinh tế thủy lợi, Kinh tế giao thông, Tài chính – Ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán, Kiểm toán, Quản trị dịch vụ và du lịch, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng. Các ngành khác và là đối tượng tuyển sinh được chương trình ưu tiên hướng tới là các nhà lãnh đạo và quản lý các cấp hiện đang nắm giữ các cương vị khác nhau trong cơ quan quản lý nhà nước, ban, ngành và các doanh nghiệp. Các thí sinh thuộc ngành gần phải học bổ sung kiến thức và đạt các môn học sau (nếu chưa học trong chương trình đại học):

TT	Tên môn	Số tín chỉ
1	Kinh tế học	3
2	Quản trị doanh nghiệp	3
3	Khoa học quản lý	2
4	Quản lý dự án	2
5	Quản lý nhà nước về kinh tế	3
6	Marketing căn bản	3
7	Kinh tế quản lý	2

16. Ngành Quản trị kinh doanh

- **Ngành đúng, phù hợp bao gồm:** Các ngành thuộc khối ngành Kinh doanh (Quản trị kinh doanh, Marketing, Bất động sản, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Thương mại điện tử, Kinh doanh thời trang và dệt may) hoặc các ngành có bằng điểm phù hợp với các ngành nêu trên và có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác dưới 10% khối kiến thức ngành.

- **Ngành gần bao gồm:** Các ngành thuộc khối ngành Quản trị - Quản lý (Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quan hệ lao động, Quản lý dự án), khối ngành Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm (Tài chính - Ngân hàng, Bảo hiểm), khối ngành Kế toán – Kiểm toán (Kế toán, Kiểm toán), khối ngành Quản lý công nghiệp (Quản lý công nghiệp, Kinh tế công nghiệp,

Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng), khối ngành Kinh tế học (Kinh tế, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế), Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống. Các ngành khác và là đối tượng tuyển sinh được chương trình ưu tiên hướng tới là các nhà lãnh đạo và quản lý các cấp hiện đang nắm giữ các cương vị khác nhau trong cơ quan quản lý nhà nước, ban, ngành và các doanh nghiệp. Các thí sinh thuộc ngành gần phải học bổ sung kiến thức và đạt các môn học sau (nếu chưa học trong chương trình đại học):

TT	Tên môn	Số tín chỉ
1	Nguyên lý thống kê	3
2	Kinh tế học	3
3	Kinh doanh quốc tế	3
4	Quản trị học	3
5	Quản trị marketing	3
6	Quản trị doanh nghiệp	3
7	Khởi sự kinh doanh	3

Phụ lục 2:**THANG ĐIỂM XÉT TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

(Kèm theo Thông báo số: /TB-ĐHTL ngày tháng năm 2022
của Trường Đại học Thủy lợi)

TT	Nội dung, yêu cầu	Tổng điểm tối đa	Tỷ trọng
1	Tốt nghiệp đại học	70	70%
	- Loại xuất sắc	70	
	- Loại giỏi	65	
	- Loại khá	60	
	- Loại trung bình-khá	55	
	- Loại trung bình	50	
2	Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành hoặc kỷ yếu hội thảo khoa học cấp trường trở lên	10	10%
	- Có từ 5 bài trở lên	10	
	- Có từ 2 - 4 bài	7	
	- Có 01 bài	3	
3	Tham gia hoặc chủ nhiệm đề tài nghiên cứu	10	10%
	- Đề tài cấp Nhà nước	10	
	- Đề tài cấp Bộ /Thành phố/Tỉnh	7	
	- Đề tài cấp cơ sở	3	
4	Kinh nghiệm công tác (năm)	10	10%
	- Từ 10 năm trở lên	10	
	- Từ 5 - 9 năm	7	
	- Từ 2 – dưới 5 năm	5	
	- Dưới 2 năm	3	
	Tổng	100	100%

Phụ lục 3:

BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 VÀ BẬC 4 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 - 45	46 - 93
		TOEFL ITP	450 - 499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140 - 159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160 - 179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275 - 399 Đọc: 275 - 384 Nói: 120 - 159 Viết: 120 - 149	Nghe: 400 - 489 Đọc: 385 - 454 Nói: 160 - 179 Viết: 150 - 179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300 - 399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400 - 499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga		ТРКИ-1	ТРКИ-2

Phụ lục 4:

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Khoá Đợt.....năm 20.....

I. NGÀNH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN:.....

II. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ và tên:Giới tính: Nam Nữ

Ngày sinh: Nơi sinh:.....

Số CMND hoặc số CCCD:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Ngày cấp: ____ / ____ / ____ Nơi cấp:.....

Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại: Email:.....

Cơ quan công tác:

Năm bắt đầu công tác:

Đối tượng ưu tiên (nếu có):

III. THÔNG TIN VĂN BẰNG ĐẠI HỌC

Tốt nghiệp Trường Đại học: Năm:

Ngành học/ Chuyên ngành (tên ghi trên văn bằng):

Hệ đào tạo (chính quy/vừa làm vừa học/từ xa.):.....

Xếp loại tốt nghiệp:.....

IV. THÔNG TIN NGOẠI NGỮ

Thí sinh thuộc diện dự kiểm tra ngoại ngữ (Anh văn)

Thí sinh thuộc diện miễn ngoại ngữ

Loại bằng cấp, chứng chỉ ngoại ngữ (nếu có):

Ngày cấp: ____ / ____ / ____ Đơn vị cấp:.....

....., ngày tháng năm 20.....

NGƯỜI ĐĂNG KÝ
(ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Đánh dấu vào các ô phù hợp

LÝ LỊCH

(Dùng cho hồ sơ đăng ký xét tuyển cao học)

Hình 3x4

*Nhớ đóng dấu
giáp lai của nơi
thí sinh đang làm
việc; hoặc nơi
đăng ký HKTT;
hoặc nơi tạm trú*

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN:

Họ và tên:.....

Ngày sinh: ___/___/_____ - Nơi sinh:

Dân tộc: _____ - Tôn giáo:.....

Tên đơn vị công tác:

Bộ phận công tác (phòng, ban,...):.....

Chức vụ, nghề nghiệp:.....

Địa chỉ hộ khẩu thường trú (*ghi rõ số nhà, thôn, ấp, đường, phường/xã; quận/huyện;*

tỉnh/thành phố - ghi theo hộ khẩu):

.....

Địa chỉ tạm trú (nếu có):.....

Điện thoại bàn..... Điện thoại di động:

Địa chỉ email:.....

Đối tượng hưởng chính sách ưu tiên (*Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên tại các địa phương được quy định là Khu vực 1; Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; Con liệt sĩ; Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên tại địa phương được quy định là Khu vực 1; Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực sinh hoạt, học tập - Xem mục 5 của Thông báo tuyển sinh*):.....

.....

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO:

2.1. BẬC HỌC ĐẠI HỌC:

Trường tốt nghiệp (bậc đại học):

Loại hình đào tạo (Chính quy, Chuyên tu, VLVH, Mở rộng,...):

Thời gian đào tạo: từ đến - Nơi tốt nghiệp:

Ngành tốt nghiệp (ghi theo văn bằng):

Xếp hạng tốt nghiệp (Xuất sắc, Giỏi, Khá, Trung bình khá, Trung bình):

2.2. TRÊN ĐẠI HỌC (nếu có):

Trường tốt nghiệp:

*Ghi chú: Nơi sinh:
ghi theo địa danh
giấy khai sinh, chỉ
ghi tên tỉnh, thành
phố (trực thuộc trung
ương)*

Loại bằng cấp (Thạc sĩ, tiến sĩ):.....

Ngày cấp: ____/____/____ Ngành tốt nghiệp (ghi theo văn bằng):

III. QUÁ TRÌNH HỌC TẬP VÀ LÀM VIỆC CỦA BẢN THÂN

(ghi từ khi học đại học đến nay, nếu có đi làm cần ghi luôn nơi công tác):

Ngày tháng năm	Học tại trường (viện, cơ sở đào tạo), nơi công tác tại đâu?	Thành tích học tập, làm việc (nếu có)

IV. LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan các nội dung sau (đánh dấu ✓ vào các ô vuông bên dưới)

- Tôi cam đoan có đủ sức khỏe để theo học chương trình đào tạo thạc sĩ.
- Tôi cam đoan hiện không bị thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự.
- Tôi cam đoan những lời khai trong Lý lịch này là đúng sự thật, nếu có điều gì sai trái tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

CƠ QUAN XÁC NHẬN

(Ký tên và đóng dấu của nơi thí sinh đang làm việc;
hoặc nơi đăng ký HKTT; hoặc nơi tạm trú)

....., ngàythángnăm 20.....

Người khai lý lịch

(Ký tên, ghi rõ họ tên)